

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 08 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/6/2021

V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Hoàng Rung K’Nhon**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông: **Trần Đức Bắc**

- Bà: **Nguyễn Thị Bé**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** – Cán bộ

Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Yến**- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 6 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 107/2020/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Mai Thị L**; Sinh năm: 1978

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện R, tỉnh Lâm Đồng

Có mặt.

* **Bị đơn:** Ông **Trần Huy T**; Sinh năm: 1976

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện R, tỉnh Lâm Đồng

Vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2020, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay thì:**

Bà và ông T quen biết tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tiến tới cuộc sống hôn nhân; Ông bà đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 10 năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Sau khi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán thì vợ chồng ông bà sinh sống và làm ăn tại Kiên Giang. Đến năm 2015 thì chuyển vào sinh sống tại xã Đ, huyện R, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do ông T không chung thủy trong hôn nhân,

có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vô tâm, vô trách nhiệm với gia đình. Mặc dù bà đã cho ông T nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng vẫn không thay đổi. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn khả năng để hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 người con chung là:

Cháu Trần Thu T; Sinh ngày 17 tháng 8 năm 2000.

Cháu Trần Trung K; Sinh ngày 05 tháng 01 năm 2016.

Khi ly hôn bà có nguyện vọng nuôi cháu là Trần Trung K; Sinh ngày 05 tháng 01 năm 2016. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Trần Thu T đã đủ tuổi trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận phân chia. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung.

Ngoài ra, bà không còn ý kiến gì khác.

* Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trần Huy T đến trụ sở tòa án nhưng ông Thịnh không có mặt để khai báo, công khai chứng cứ, hòa giải. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Đồng thời trong đơn xin vắng mặt có trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Mai Thị L.

- Về con chung: Ông thống nhất theo yêu cầu của bà Loan, để bà Loan là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu là Trần Trung K; Sinh ngày 05 tháng 01 năm 2016. Không cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Trần Thu T đã đủ tuổi trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận phân chia. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung.

Ngoài ra, ông không còn ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành

đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn thì chưa chấp hành nghiêm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án và đường lối xử lý vụ án: Qua xem xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai nhận của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay thì thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, quá trình chung sống giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn nên dẫn đến sống ly thân, xét thấy tình cảm vợ chồng bà Loan, ông T không còn khả năng hàn gắn lại được, nên Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L. Về con chung, giao cho bà L có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm định tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** bị đơn ông Trần Huy T có đơn yêu cầu xin vắng mặt, căn cứ Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Xuất phát từ việc mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt; hiện tại, bà L và ông T đã sống ly thân. Ông Thịnh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L. Bà L và ông Thịnh có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện R, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên ông T hiện đi làm ăn xa, bận công việc nên khi Tòa án triệu tập ông không về được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Mai Thị L và ông Trần Huy T đã tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo đúng quy định của pháp luật, nên xác định hôn nhân của bà Mai Thị L và ông Trần Huy T là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống hôn nhân của ông bà không mang lại hạnh phúc như mong muốn, tồn tại nhiều mâu thuẫn. Mặt khác hai ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu xin ly hôn của bà L là hoàn toàn có căn cứ, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông T có 02 người con chung là: Cháu Trần Thu T; Sinh ngày 17 tháng 8 năm 2000 và cháu Trần Trung K; Sinh ngày 05 tháng 01 năm 2016. Bà có nguyện vọng nuôi cháu là Trần Trung K; Sinh ngày 05 tháng 01 năm 2016. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Trần Thu T đã đủ tuổi trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết. Ông T cũng đồng ý với yêu cầu của bà L nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao cho bà L có trách nhiệm nuôi dưỡng chăm sóc cháu K, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] **Về tài sản chung:** Ông bà tự thỏa thuận phân chia. Không yêu cầu Tòa án giải

quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác. Do đó HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của bà Loan, nên buộc nguyên đơn bà Mai Thị L phải nộp 300.000đ án phí Ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 203, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị L và ông Trần Huy T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Trung K; Sinh ngày 05 tháng 01 năm 2016 cho bà Mai Thị L có trách nhiệm nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành. Ông Trần Huy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Buộc bà Mai Thị L phải nộp 300.000đ án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã tạm nộp trước theo biên lai thu tiền số AA/2017/000 4140 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- CC THADS huyện Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Rung K' Nhon

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- CC THADS huyện Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Rung K’ Nhon